



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Tiếng Anh/ in English: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE - JSC

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 061 - PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/Head office:

Số 478 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội/

No. 478 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi City

Tel: +84 24 3862 4025

Email: info@viendetmay.org.vn

Website: <https://viendetmay.org.vn>

Phân viện/Brand office:

345/128A đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh/

345/128A Tran Hung Dao road, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh city

Tel: +84 28 3920 1396

Fax: +84 28 39202215

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/Accreditation period

Từ/ from / / 2026 đến/ to 15/03/2027



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/*Product certification for the following scopes:*

Sản phẩm dầu mỏ và than cốc; Hóa chất, sản phẩm hóa và sợi; Sản phẩm cao su và nhựa/Coke and refined petroleum products; Chemicals, chemical products and fibres; Rubber and plastic products

STT No	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Aluminium Chloride (PAC)	QCVN 06A:2020/BCT và sửa đổi 01:2026 QCVN 06A:2020/BCT (a)	CN-HD25	1
2.	Amoniac Công nghiệp <i>Industrial Ammonia</i>	QCVN 07A:2020/BCT và sửa đổi 01:2026 QCVN 07A:2020/BCT (a)	CN-HD27	1
3.	Natri Hydroxit công nghiệp <i>Industrial Natri Hydroxit</i>	QCVN 03A:2020/BCT và sửa đổi 01:2026 QCVN 03A:2020/BCT (a)	CN-HD29	1
4.	Hàm lượng thủy ngân trong đèn huỳnh quang <i>Mercury Content in Fluorescent lamps</i>	QCVN 02A:2020/BCT và sửa đổi 01:2026 QCVN 02A:2020/BCT (a)	CN-HD31	1
5.	Giới hạn chì trong sơn <i>Limits of Lead Content in Paints</i>	QCVN 08:2020/BCT và sửa đổi 01:2026 QCVN 08:2020/BCT (a)	CN-HD33	1



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

Sản phẩm dệt, may, da/ Textile and garment products; Leather and leather products

ST T No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1	Sản phẩm dệt may <i>Textile products</i>	QCVN 01:2017/BCT và sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2017/BCT (a)	CN-TT05 CN-HD18	5
			CN-TT05 CN-HD19	7
2	Sản phẩm dệt may <i>Textile products</i>	REACH regulation (EC) No 1907/2006 Annex XVII	CN-TT05 CN-HD06	5
CN-TT05 CN-HD07			7	
3		AS/NZS 4399:1996	CN-TT05 CN-HD08	5
			CN-TT05 CN-HD09	7
4		TCVN 6054:1995	CN-TT05 CN-HD16	5
			CN-TT05 CN-HD17	7
5		TCVN/QS 1822:2021	CN-TT05 CN-HD23	5
			CN-TT05 CN-HD24	7
6	Giày vải <i>Canvas shoes</i>	TCVN 8208:2009	CN-TT05 CN-HD04	5
			CN-TT05 CN-HD05	7
7	Sản phẩm da giày <i>Footwear and leather products</i>	TCVN/QS 1822:2021	CN-TT05 CN-HD23C	5
			CN-TT05 CN-HD24C	7



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

Sản phẩm gỗ, giấy/ Wood and paper products

ST T No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1.	Khăn giấy, giấy vệ sinh, giấy tissue <i>Napkin and toilet tissue paper</i>	QCVN 09:2015/BCT Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23/12/2016	CN-TT05 CN-HD14	5
			CN-TT05 CN-HD15	7
2.	Khăn ướt sử dụng một lần <i>Disposable wet wipes</i>	TCVN 11528:2016	CN-TT05 CN-HD21	5
			CN-TT05 CN-HD22	7
3.	Tã (bỉm) trẻ em <i>Children's diapers</i>	TCVN 10584:2014	CN-TT05 CN-HD10	5
			CN-TT05 CN-HD11	7
4.	Băng vệ sinh phụ nữ <i>Sanitary pads for woman</i>	TCVN 10585:2014	CN-TT05 CN-HD12	5
			CN-TT05 CN-HD13	7

Ghi chú/ Note:

(a): Cập nhật phiên bản tiêu chuẩn (9.2026)/ *Updated standard version (September 2026)*

Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *Vietnam textile research institute must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services*

Duc